

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

**CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH
TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY**

NGUYỄN TRỌNG TUẤN^(*)

1. Cơ sở lý luận

Về phương diện lý luận, chính sách đổi mới công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay được xây dựng dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo.

Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về bản chất, nguồn gốc, tính chất, vai trò, chức năng và những vấn đề có tính nguyên tắc giải quyết tôn giáo là cơ sở quan trọng để Đảng ta đổi mới tư duy lý luận về công tác tôn giáo. Về bản chất của tôn giáo, chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng, tôn giáo không chỉ là hình thái ý thức xã hội mà còn là một thực thể xã hội. Với tư cách là hình thái ý thức xã hội, tôn giáo phản ánh một cách hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan vào đầu óc con người. Cho dù tôn giáo chỉ “là thế giới quan lộn ngược”, “là mặt trời ảo tưởng”, “là bông hoa giả”, “là hạnh phúc ảo tưởng”, “là trái tim của thế giới không có trái tim”, “là tinh thần của những trật tự xã hội không có tinh thần”⁽¹⁾, thì trong những điều kiện nhất định, nó vẫn là “liều thuốc tinh thần” trở thành cứu cánh của một bộ phận nhân dân, giúp họ vượt qua những nỗi bất hạnh, trắc trở trong cuộc sống thường nhật. Đó là những cơ sở lý luận để Đảng ta nêu lên luận đề “tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân”. Với tư cách là một thực thể xã hội, tôn giáo có một lực hành vi của tín đồ và một hệ thống tổ

chức giáo hội và đội ngũ chức sắc có tính “thiêng”. Có thể nói, tuyệt đại bộ phận tín đồ các tôn giáo là quần chúng nhân dân lao động, họ là một lực lượng xã hội hùng hậu nhưng rất đặc biệt bởi họ có đức tin. Chính vì vậy, Đảng ta xác định rõ quan điểm “Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng”.

Về nguồn gốc của tôn giáo, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tôn giáo ra đời, tồn tại, phát triển không chỉ dựa trên những điều kiện kinh tế, xã hội mà còn do nhận thức (về tự nhiên, xã hội và bản thân mình), do tâm lý (sự sợ hãi, niềm tiếc thương, tình cảm yêu mến). Chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ ra rằng, tôn giáo chỉ mất đi khi những cơ sở kinh tế-xã hội, thậm chí là cả cơ sở tâm lý, nhận thức cho sự tồn tại của nó không còn nữa. Nghĩa là khi nào “không còn gì để phản ánh nữa” như Ph. Ăngghen đã chỉ ra thì khi đó tôn giáo mới mất đi. Cần phải thấy rằng, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với thế giới tự nhiên còn nhiều điều chưa thể đạt đến sự hợp lý, đặc biệt mặt trái của cơ chế thị trường như tội phạm, sự phân hóa giàu nghèo, những rủi ro, bệnh tật, thiên tai, v.v... vẫn còn là cơ sở

*. TS., Học viện Kỹ thuật Quân sự.

1. C. Mác, Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tập 1, tr. 569.

khách quan cho tôn giáo tồn tại và phát triển trên những phạm vi nhất định. Do đó, tôn giáo vẫn còn tồn tại, khó có thể đoán định được “tuổi thọ” của tôn giáo, song chắc chắn rằng tôn giáo vẫn là một thực thể tồn tại trong chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Đảng ta xác định rõ tôn giáo “đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình đi lên xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta”.

Về tính chất của tôn giáo, chủ nghĩa Mác-Lênin đã chỉ ra rằng, tôn giáo không chỉ có tính lịch sử (tôn giáo có quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong), tính quần chúng (tôn giáo có một lực lượng tín đồ đông đảo, đa số là quần chúng nhân dân lao động), mà tôn giáo còn có tính chính trị (các thế lực thống trị thường sử dụng tôn giáo vào những mục tiêu phi tôn giáo). Xuất phát từ quan điểm đó, Đảng ta đã khẳng định, “công tác tôn giáo vừa phải quan tâm hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa phải kịp thời đấu tranh chống dịch lợi dụng tôn giáo để phá hoại cách mạng”. Trên cơ sở xác định tôn giáo là tình cảm, nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, Đảng ta chủ trương thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Mọi người được tự do theo hoặc không theo một tôn giáo nào, “khắc phục nhận thức thiên cận đối với tôn giáo và thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo”. Tín đồ các tôn giáo được tự do sinh hoạt tôn giáo tại gia đình, nơi thờ tự theo nghi lễ truyền thống và “có kinh sách để tu học, có chức sắc hướng dẫn việc đạo”. Nghị quyết 24 đã mở ra việc giải quyết, công nhận về mặt tổ chức các tôn giáo nếu hội đủ các điều kiện: có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ, mục đích, điều lệ phù hợp với luật pháp, chuẩn bị tốt về mặt nhân sự, v.v... Sau khi đã được công nhận, tổ chức tôn giáo được thực hiện đầy đủ theo

Hiến chương, Điều lệ (hoặc giáo luật), như tổ chức đại hội, hội nghị, việc đào tạo, phong chức, bổ nhiệm chức sắc, xuất bản kinh sách, sản xuất đồ dùng việc đạo, xây sửa cơ sở thờ tự, quan hệ đối ngoại, v.v... Đây là quan điểm có ý nghĩa rất quan trọng để ứng xử cụ thể đối với từng tôn giáo, một mặt tạo điều kiện cho các tôn giáo hợp pháp chăm lo đời sống sinh hoạt của tín đồ, mặt khác đưa sinh hoạt tôn giáo vào khuôn khổ quản lý nhà nước, góp phần loại bỏ các tà đạo nhằm làm lành mạnh hóa sinh hoạt tôn giáo.

Chủ nghĩa Mác-Lênin không chỉ nêu rõ vai trò xã hội của tôn giáo mà còn chỉ rõ chức năng (thế giới quan, đền bù hư ảo, điều chỉnh hành vi, liên kết) của nó. Tôn giáo không chỉ là công cụ tinh thần của các thế lực xấu lợi dụng, là liều thuốc mà các giai cấp thống trị dùng để ru ngủ quần chúng, “là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức”, phản ánh sự nghèo nàn hiện thực mà còn là sự “phản kháng chống lại sự nghèo nàn hiện thực ấy”. Tôn giáo trong quá trình tồn tại và phát triển luôn bộc lộ hai mặt tích cực và tiêu cực. Tôn giáo, tín ngưỡng không đơn thuần chỉ là vấn đề thuộc về đời sống tâm linh, tinh thần, mà còn là vấn đề lịch sử, văn hóa, đạo đức, lối sống. Tôn giáo bên cạnh những hạn chế cũng chứa đựng nhiều yếu tố hợp lý bởi tính nhân bản, nhân văn, tính hướng thiện và những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của nó. Mọi tôn giáo chân chính đều răn dạy tín đồ hướng tới cái chân, thiện, mỹ. Tôn giáo có chức năng điều chỉnh hành vi xã hội của tín đồ, hướng họ đến cái thiện, tránh cái ác. Tín đồ các tôn giáo với niềm tin vào đấng tối cao và cuộc sống vĩnh hằng sau khi chết, lo sợ bị trừng phạt hoặc bị “quả báo” nếu phạm tội hoặc làm điều ác nên đã có hành vi đạo đức hướng thiện. Giáo lý, giáo luật và những lời răn dạy của tôn giáo đã tạo ra những quy phạm đạo đức hướng con người làm các việc thiện lành,

tránh điều ác dữ, tu nhân tích đức để được giải thoát (theo quan niệm của Phật giáo), được lên Thiên Đàng (theo quan niệm của Kitô giáo, Islam giáo). Các tôn giáo không chỉ “thiên hóa” các quy phạm đạo đức mà còn tạo ra dư luận xã hội để điều chỉnh hành vi của tín đồ hướng về cái thiện, bài trừ cái ác. Như vậy, đạo đức tôn giáo góp phần điều chỉnh hành vi xã hội của con người. Đó chính là cơ sở để Đảng ta nêu lên quan điểm “đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới” và khẳng định tôn giáo có điểm “tương đồng” với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Chủ nghĩa Mác-Lênin còn nêu lên những nguyên lý mang tính nguyên tắc khi giải quyết vấn đề tôn giáo. Đó là việc khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, giúp cho đồng bào các tôn giáo sống “tốt đời, đẹp đạo”. Phải tôn trọng và bảo đảm quyền tự do, tín ngưỡng tôn giáo cũng như không tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân. Phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo. Mặt khác, cần phân biệt rõ hai mặt giữa nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng của quần chúng với việc lợi dụng vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo vì những mục tiêu ngoài tôn giáo. Đó là cơ sở lý luận để Đảng ta xác định tôn giáo, tín ngưỡng là nhu cầu tinh thần của một phận nhân dân, đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới ở nước ta, “khuyến khích ý tưởng công bằng, bác ái, hướng thiện,... trong tôn giáo, đồng thời tuyên truyền giáo dục khắc phục tệ mê tín dị đoan; chống việc lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng thực hiện ý đồ xấu. Chăm lo phát triển kinh tế-xã hội, giúp đồng bào xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, xây dựng môi trường

văn hóa, thực hiện tốt trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc”⁽²⁾.

Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt những đóng góp của Người về việc giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam là cơ sở quan trọng để Đảng ta nêu lên những quan điểm đổi mới chính sách tôn giáo trong giai đoạn hiện nay. Kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết lương giáo, hòa hợp dân tộc, Đảng và Nhà nước ta khẳng định dứt khoát quan điểm: “Thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo” nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để đưa đất nước phát triển. Trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta nêu rõ quan điểm “thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật”, “Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo”.

Đặc biệt tư tưởng Hồ Chí Minh về việc khai thác những điểm tương đồng giữa hệ ý thức tôn giáo với lý tưởng cách mạng nhằm tạo nên sự đồng thuận xã hội. Đây là nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, đã và đang được Đảng và Nhà nước ta vận dụng để đổi mới chính sách tôn giáo hiện nay. Đảng ta chỉ rõ “mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp cách mạng chung”. Mục tiêu ấy chính là mạch kết nối, nơi gặp gỡ giữa giá trị nhân bản trong tôn giáo với giá trị nhân văn của chủ nghĩa

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, 1998, tr. 67.

xã hội, có tác dụng huy động sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc đổi mới đất nước. Tín ngưỡng hay không tín ngưỡng là sự lựa chọn tự do của con người. Đấu tranh cho sự phồn vinh của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân là lí tưởng thiêng liêng chung cho mọi người, là mục tiêu mà công cuộc xây dựng xã hội mới của chúng ta đang hướng tới, đồng thời cũng chính là ước vọng mà các tôn giáo theo đuổi. Đó chính là điểm tương đồng giữa chủ nghĩa xã hội và lí tưởng tôn giáo, là mẫu số chung để gắn kết đồng bào các tôn giáo với toàn thể nhân dân trong khối đại đoàn kết dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Mục đích cao cả của Phật Thích Ca và Chúa Giêsu đều giống nhau: Thích Ca và Giêsu đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng”⁽³⁾. Còn “Chúng ta kháng chiến cứu nước, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, tín ngưỡng tự do. Như thế, những việc Chính phủ và nhân dân ta làm, đều hợp với tinh thần Phúc Âm”⁽⁴⁾.

Trong mỗi tín ngưỡng, tôn giáo đều có những hạt nhân triết học hợp lí, giá trị nhân văn như đức “từ bi” của Phật giáo, lòng “nhân nghĩa” của đạo Cao Đài và Phật giáo Hòa Hảo, tư tưởng “bác ái” của Công giáo, truyền thống uống nước nhớ nguồn, lòng tự hào dân tộc của tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên, là mẫu số chung-điểm tương đồng giữa văn hóa, đạo đức của tín ngưỡng, tôn giáo với văn hóa dân tộc. Đó cũng chính là chân giá trị mà nhân loại cũng như dân tộc ta luôn hướng tới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết một cách sâu sắc những giá trị đạo đức của các tôn giáo lớn. Người viết: “Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái. Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi. Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa”⁽⁵⁾.

Kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta khẳng định tôn giáo là

một thành tố của văn hóa, những giá trị tốt đẹp của các tôn giáo là một bộ phận cấu thành văn hóa dân tộc. Chỉ thị 37 của Bộ Chính trị (2/7/1998) chỉ rõ: “Những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo được tôn trọng và khuyến khích phát huy”⁽⁶⁾. Trong mục “*Chính sách văn hóa đối với tôn giáo*” của Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm BCH Trung ương (khoá VIII) về *Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc* (16/7/1998), Đảng ta khẳng định: “Khuyến khích ý tưởng công bằng, bác ái, hướng thiện... trong tôn giáo”⁽⁷⁾. Việc coi tôn giáo là một thành tố của văn hóa, có những giá trị mà công cuộc xây dựng xã hội mới có thể tiếp thu nêu trên thể hiện một cách sâu sắc quan điểm thống nhất giữa lí luận và thực tiễn, giữa tôn tại xã hội với ý thức xã hội của Đảng ta về vấn đề tôn giáo. Tôn giáo bên cạnh những hạn chế cũng chứa đựng nhiều yếu tố hợp lí bởi tính nhân bản, nhân văn, tính hướng thiện của nó, những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới, góp phần bổ sung hoàn thiện cho việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Mọi tôn giáo chân chính đều răn dạy tín đồ hướng tới cái chân, thiện, mỹ. Đó chính là điểm tương đồng, gặp gỡ với công cuộc đổi mới vì mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội với chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng

3. Hồ Chí Minh. *Về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. KHXH, HN, 1996, tr.194.

4. Hồ Chí Minh *toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, HN, 1995, tập 7, tr. 197.

5. Hồ Chí Minh *toàn tập*, Nxb. CTQG, HN, 1995, tập 6, tr. 225.

6. Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng. *Lí luận về tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam (tài liệu tham khảo)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2007, tr. 323.

7. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*. Nxb. CTQG, HN, 1998, tr. 67.

và Nhà nước ta, các tôn giáo đã và sẽ có sự điều chỉnh để thích ứng với xã hội mới. Đồng bào các tôn giáo ngày càng tham gia tích cực vào phong trào thi đua yêu nước xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”. Quan điểm nêu trên của Đảng đã góp phần khơi dậy, động viên được những giá trị tốt đẹp, phát huy tính tích cực, điểm tương đồng của tôn giáo với chủ nghĩa xã hội; phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào các tôn giáo làm cho họ tự giác đấu tranh chống lại những luận điệu xuyên tạc, âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Dưới sự dẫn dắt của tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã có cái nhìn đúng đắn về vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam nên đã tránh được những hạn chế có tính tả khuynh mà một số đảng cộng sản thường mắc phải. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã phê phán khẩu hiệu “Nếu không thủ tiêu tôn giáo trong quần chúng thì cách mạng không thể thắng lợi” là một “sai lầm tận gốc”⁽⁸⁾. Trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, trong điều kiện các thế lực đế quốc, thực dân ráo riết tìm mọi cách lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá cách mạng, Đảng ta vẫn có cách nhìn nhận, ứng xử đúng đắn đối với vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo. Điều đó thể hiện khá rõ qua những ý tưởng, nhận thức đúng đắn, sâu sắc về vấn đề tôn giáo của nhiều đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng ta, như Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn⁽⁹⁾.

Sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta càng có điều kiện nhận thức đúng đắn hơn về vấn đề tôn giáo. Điều này được thể hiện khá rõ trong các bài viết của các đồng chí lãnh đạo như Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh⁽¹⁰⁾.

Có thể khẳng định rằng, những ý tưởng nêu trên của các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đã góp phần quan trọng

tạo nên nội dung của Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị-một nghị quyết được xem là bước ngoặt có tính đột phá của trong việc đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta về vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo.

2. Cơ sở thực tiễn

Về mặt thực tiễn, chính sách đổi mới công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta căn cứ vào đặc điểm, tình hình cụ thể của tôn giáo ở nước ta hiện nay. Trước hết, Việt Nam là một quốc gia có nhiều hình thức tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau đang tồn tại, có người ví Việt Nam gần giống một bảo tàng tôn giáo. Nước ta có hầu hết các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng, cả tôn giáo ngoại nhập và tôn giáo nội sinh, cả tôn giáo Phương Tây và tôn giáo Phương Đông, có tôn giáo độc thần và tôn giáo đa/phiếm thần, có tôn giáo thế giới và tôn giáo khu vực. Hầu hết các tôn giáo lớn trên thế giới, như Phật giáo, Kitô giáo, Islam giáo đều có mặt ở nước ta. Chỉ tính riêng 12 tôn giáo với 32 tổ chức tôn giáo đã được nhà nước thừa nhận tư cách pháp nhân hoặc đăng kí hoạt động đã có trên 20 triệu tín đồ (chiếm khoảng 25% dân số trong cả nước). Nếu tính cả những người có tín ngưỡng thì tuyệt đại bộ phận người dân Việt Nam có niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng. Đó chính là cơ sở để Đảng ta khẳng định “tôn giáo, tín ngưỡng là nhu cầu tin thần của một bộ phận nhân dân”.

Đặc điểm nổi bật của tôn giáo, tín ngưỡng ở nước ta là có tính đan xen, hoà

8. Đảng cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 4, tr.437-438.

9. Có thể xem các bài: *Bước đầu của sự du nhập quan điểm mácxít về tôn giáo vào Việt Nam: Trường hợp Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương Nguyễn Văn Cừ* của Đỗ Quang Hưng, T/c Nghiên cứu Tôn giáo, số 1/2004; Trường Chinh: *Cộng sản và Công giáo*, T/c Nghiên cứu Tôn giáo, số 2/2001.

10. Xem bài: *Nguyễn Văn Linh với tôn giáo-Những đóng góp quan trọng trong thời kỳ đổi mới*, của Nguyễn Đức Lữ, T/c Nghiên cứu Tôn giáo, số 3/2005.

đồng cùng tồn tại chứ không có xung đột hay chiến tranh vì lí do tôn giáo. Bản tính con người Việt Nam cởi mở, bao dung chứ không hẹp hòi, kì thị, khép kín. Dù là tôn giáo nào, từ đâu đến, thì cộng đồng cư dân Việt Nam sẵn sàng chấp nhận, miễn là nó không làm hại đến lợi ích quốc gia hay đi ngược lại với truyền thống văn hóa dân tộc. Vì thế, mặc dù nước ta có rất nhiều hình thức tín ngưỡng, tôn giáo song chúng vẫn tồn tại bên nhau mà không xảy ra chiến tranh hay xung đột vì lí do tôn giáo. Kể cả một số tôn giáo độc thần từ Phương Tây du nhập tới, tuy có xa lạ với tâm thức tôn giáo, truyền thống, văn hóa dân tộc, song vẫn được chấp nhận. Có thể khẳng định, đặc điểm của tôn giáo Việt Nam là tính đan xen, hoà đồng, nương tựa, hỗ trợ lẫn nhau theo truyền thống “hoà nhi bất đồng”, đoàn kết toàn dân tộc không có sự phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo. Vì vậy, Đảng ta khẳng định “Đồng bào các tôn giáo là một bộ phận của khối đại đoàn kết dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo”.

Một đặc điểm khác của tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam là thần thánh hóa những người có công với gia đình, làng, nước. Trong suốt chiều dài lịch sử của mình, dân tộc Việt Nam luôn phải đấu tranh chống thiên tai, địch họa để dựng nước và giữ nước. Quá trình lịch sử ấy hun đúc nên truyền thống yêu nước, trọng đạo lí “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây” nên tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta cũng thấm đẫm tinh thần ấy. Từ xa xưa ở Việt Nam, ba cộng đồng: gia đình, làng xã và đất nước gắn bó chặt chẽ với nhau. Trong tâm thức của người Việt, khó tách biệt giữa gia đình, làng xã và đất nước, “mất nước thì nhà tan”, “trả thù nhà” gắn liền với “đền nợ nước”. Những người có công với gia đình, làng xóm và đất nước

đều được tôn vinh, kính trọng khi còn sống và được phụng thờ khi qua đời. Vì vậy, tổ tiên của gia đình, làng xã và đất nước không tách rời nhau. Trong gia đình có ông bà tổ tiên, làng xã có thành hoàng, quốc gia có quốc tổ (Hùng Vương) trở thành những thần hộ mệnh của ba cộng đồng. Chính từ đặc điểm này mà Đảng ta nêu rõ quan điểm: “Phát huy giá trị của tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân”.

Đa số tín đồ các tôn giáo ở nước ta là nhân dân lao động, cần cù, có tinh thần yêu nước, căm thù giặc ngoại xâm và áp bức. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, tín đồ các tôn giáo đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, gắn bó với cách mạng. Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, đồng bào luôn có nguyện vọng thiết tha được sống “tốt đời, đẹp đạo”. Đặc điểm này là cơ sở để Đảng ta khẳng định: “nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là vận động quần chúng”. Quan điểm này thể hiện một tư duy lí luận sâu sắc của Đảng ta về công tác quần chúng nói chung, công tác tôn giáo nói riêng. Bởi vì, suy cho cùng, công tác tôn giáo là công tác đối với quần chúng có đạo, đối với con người. Đảng và Nhà nước phải chăm lo xây dựng và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho họ. Quần chúng có đạo ở đây là những *con người-công dân-tín đồ*. Họ là một đối tượng quần chúng đặc thù, có điểm giống, nhưng cũng có điểm khác với các đối tượng quần chúng khác. Ở họ, giữa con người công dân với con người tín đồ luôn quyện chặt vào nhau, bổ sung cho nhau không thể tách rời và luôn hướng tới nguyện ước được sống “tốt đời, đẹp đạo”. Trong họ, luôn có quyền lợi và nghĩa vụ song trùng giữa con người công dân có quyền lợi, nghĩa vụ với Tổ quốc và con người tín đồ có quyền lợi, bổ phận với đạo, với giáo hội của mình. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có một nhận định sâu sắc

rằng: “Nguyễn vọng tha thiết của đồng bào Công giáo là phần xác no ấm, phần hồn thông dong”. Vì vậy, Người thường xuyên nhắc nhở các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương phải chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho quần chúng có đạo. Làm được điều đó cũng chính là đã tạo điều kiện để đồng bào có đạo tích cực tham gia xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo” góp phần cùng toàn dân thực hiện thắng lợi mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Một số tôn giáo ở nước ta thường bị các thế lực thù địch lợi dụng vào mục đích chính trị để chống phá cách mạng. Chính từ đặc điểm này của tình hình tôn giáo ở Việt Nam mà Đảng ta nêu rõ quan điểm: “Công tác tôn giáo vừa phải quan tâm hợp lý nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, vừa phải kịp thời đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo để phá hoại cách mạng”. Trong quan điểm này, Đảng ta nhấn mạnh đến hai nội dung rất quan trọng của công tác tôn giáo. Đó là chăm lo đến đời sống tôn giáo của nhân dân và đấu tranh chống chống sự lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch. Bên cạnh việc chăm lo đời sống mọi mặt của đồng bào các tôn giáo, cần đấu tranh chống âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá sự nghiệp cách mạng. Do đặc điểm của tôn giáo ở Việt Nam, trước đây khi xâm lược nước ta, các thế lực đế quốc đều tìm cách lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho mục đích chính trị của chúng. Ngày nay, các thế lực thù địch vẫn không từ bỏ việc lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng nước ta. Vì vậy, trong khi tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, Đảng ta chủ trương phải cảnh giác đấu tranh với những hoạt động lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch. Hai nhiệm vụ này có mối quan hệ gắn bó hữu cơ mật thiết với nhau. Giải quyết đúng đắn và đầy đủ nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chính đáng của quần chúng là làm cho đồng bào có đạo yên tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ và sự nghiệp đổi mới đất nước,

hiểu rõ âm mưu thủ đoạn lợi dụng tôn giáo của các thế lực xấu, từ đó nêu cao cảnh giác để họ “tự giác đấu tranh chống lại chúng, bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng chính đáng của mình, bảo vệ an ninh Tổ quốc”. Ngược lại, khi làm tốt công tác đấu tranh chống địch lợi dụng tôn giáo sẽ tạo môi trường sinh hoạt tôn giáo lành mạnh, không bị địch lợi dụng để quần chúng yên tâm sinh hoạt tôn giáo.

Tóm lại, chính sách đổi mới công tác tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học vững chắc của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo và căn cứ vào đặc điểm, tình hình tôn giáo cụ thể của tôn giáo ở Việt Nam. Sự thống nhất giữa hai mặt lý luận và thực tiễn ấy đã đưa tới những chính sách đúng đắn về công tác tôn giáo và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, làm cho số tín đồ, chức sắc các tôn giáo phấn khởi, tin tưởng, tạo ra được sự đồng thuận xã hội, có tác dụng động viên khuyến khích họ tích cực tham gia công cuộc đổi mới đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

Tuy chính sách đổi mới về công tác tôn giáo đã có nhiều tiến bộ, đạt được những thành tựu quan trọng, song vẫn còn những vấn đề chưa theo kịp với tình hình thực tế đời sống tôn giáo ở Việt Nam. Cùng với quá trình đổi mới toàn diện đất nước trong điều kiện toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, chắc chắn thời gian tới tình hình tôn giáo trong nước và trên thế giới sẽ có những thay đổi. Bởi vậy, cần phải nghiên cứu phát triển thêm về mặt lý luận và hoàn thiện chính sách tôn giáo cho phù hợp với tình hình thực tế tôn giáo trong nước và phù hợp với thông lệ quốc tế nhằm đạt kết quả vững chắc hơn, tạo điều kiện cho các tôn giáo tích cực tham gia xây dựng đất nước, xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo”./.